

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 267/2024/HS-ST
Ngày 17-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Lệ Chi.
- Ông Nguyễn Đức Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 270/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 279/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1996 tại tỉnh Bình Phước; thường trú: Tổ E, ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 và bà Lê Thị T, sinh năm 1970; chồng tên Trịnh Kế L1, sinh năm 1993; có 01 con sinh năm 2021; có 04 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/12/2023. Có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1997 tại tỉnh Hưng Yên; thường trú: Thôn L, xã M, huyện T, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và bà Trần Thị H1, sinh năm 1978; chồng tên Trần Văn Đ, sinh năm 1995, có 01 con sinh năm 2018; có 02 anh em, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/12/2023. Có mặt tại phiên tòa.

3/ Phạm Văn L2, sinh năm 1994 tại tỉnh Quảng Bình; thường trú: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: Lớp 7/12; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn H2, sinh năm 1968 và bà Trà Thị T2, sinh năm 1970; có 02 chị em, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2002; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giam ngày 30/12/2023. Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Người chứng kiến: Nguyễn Đăng T3, sinh năm 1982. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 30/12/2023, Nguyễn Thị T1 rủ Nguyễn Thị L mua ma túy đá về sử dụng thì Thị L đồng ý. T1 hết tiền nên nói Thị L3 trả tiền trước rồi sau đó sẽ chia đôi. Sau khi bàn bạc thống nhất thì Thị L3 liên lạc qua Z với một người tên T4 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để hỏi mua 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng) tiền ma túy đá thì tên T4 đồng ý và gửi vị trí qua Zalo cho Thị L3.

Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, Thị L3 kêu T1 điều khiển xe mô tô biển số 59K1-581.12 của T chở đến khu vực vị trí mà tên T4 định vị trước đó thuộc khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để T mua ma túy. Đến nơi thì Thị L3 xuống xe còn T1 điều khiển xe về trước. Lúc này, tên T4 đã chờ sẵn ở đầu hẻm sau đó đưa cho Thị L3 01 (một) túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy đá và 01 (một) nắp chai nhựa gắn ống hút nhựa và nỏ thủy tinh, trong nỏ thủy tinh còn ma túy đá. Sau khi nhận ma túy rồi trả cho tên T4 400.000 đồng, Thị L3 bắt G về phòng trọ và đưa ma túy đã mua cho T1 xem. Đến 21 giờ 00 phút cùng ngày, Phạm Văn L2 liên lạc qua Z với Nguyễn Thị L và hỏi có ma túy không thì Thị L chụp hình gói ma túy vừa mua được gửi sang Zalo cho Văn L2. Biết đã có ma túy, Văn L2 nói đi thuê nhà nghỉ sử dụng thì Thị L đồng ý rồi Thị L nói lại với T1 thì T1 cũng đồng ý. Sau đó, Văn L2 điều khiển xe mô tô biển số 73H1-458.80 đến trước dãy trọ của Thị L rồi cả ba cùng đi tìm nhà nghỉ để sử dụng. Khi đi, T để ma túy trong túi váy quần jeans bên trái đang mặc còn nắp chai nhựa gắn ống hút nhựa và nỏ thủy tinh có ma túy đá thì bỏ trong túi xách. Văn Lương đề xuất đến nhà nghỉ T6 tại địa chỉ số I đường A, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì Thị L và T1 đồng ý. Khi đến nhà nghỉ T6 thì Văn L2 đưa căn cước công dân của mình cho lễ tân để thuê phòng, tuy nhiên do Văn L2 không có tiền nên Thị L trả tiền thuê phòng là 300.000 đồng rồi cả ba đi lên phòng 103. Khi vào trong phòng, Thị L nói với T1 số tiền mua ma túy là 400.000 đồng được 01 gói ma túy và 01 nỏ thủy tinh, bên trong còn ma túy, mỗi người góp 200.000 đồng thì T1 đồng ý. Lúc này, Thị L lấy từ trong túi xách mang theo ra 01 nắp chai nhựa gắn ống hút nhựa và nỏ thủy tinh có ma túy đá gắn vào chai nước suối rồi nấu ma túy để trên bàn trong phòng nghỉ để sử dụng lần lượt theo thứ tự là T1, đến T và cuối cùng là Văn L2. Khi đang sử dụng ma túy, Thị L đi vào nhà vệ sinh thì lực lượng Công an phường A

kiểm tra hành chính phòng số 103 nhà nghỉ T6, lúc này T1 lấy bộ dụng cụ ma túy đưa cho Thị L để cất giấu gần cửa ra vào trong nhà vệ sinh thì bị lực lượng Công an phát hiện bộ dụng cụ sử dụng ma túy (trong nỏ thủy tinh còn chất màu nâu), cả ba thừa nhận vừa sử dụng ma túy. Sau đó, Thị L lấy từ trong túi váy quần Jeans bên trái đang mặc giao nộp 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng. Công an phường A lập biên bản thu giữ tang vật, biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa về trụ sở làm việc.

Căn cứ tại Kết luận Giám định số 264/KL-KTHS(MT) ngày 05/01/2024 của Phòng K, Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng, mẫu tinh thể màu nâu gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine có khối lượng $M1 = 1.5659$ gam, $M2 = 0.2133$ gam.

Vật chứng, tài liệu thu giữ:

+ Mẫu tinh thể màu trắng, tinh thể màu nâu loại Methamphetamine ($M1 = 1.5659$ gam; $M2 = 0.2133$ gam) là mẫu vật còn lại sau giám định đã được niêm phong;

+ 01 nỏ thủy tinh, 01 chai nhựa và 01 ống hút nhựa;

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 11S gắn sim số 097.716.005 và 01 chiếc mô tô loại Raider biển số 73H1-458.80, số khung: RLSDL11ANKV131857, số máy: CGA1531960 thu giữ của Phạm Văn L2.

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus gắn sim số 0868.811.514 và 01 xe mô tô loại Air Blade biển số 59K1-581.12, số khung: RLHF4602DY251451; số máy: F46E4094797, thu giữ của Nguyễn Thị L.

Xử lý vật chứng:

+ Đối với số ma túy loại Methamphetamine có khối lượng $M1 = 1.5659$ gam; $M2 = 0.2133$ gam là mẫu vật sau khi giám định đã được niêm phong; 01 nỏ thủy tinh; 01 chai nhựa và 01 ống hút nhựa không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy;

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 11S gắn sim số 097.716.005 và 01 chiếc mô tô loại Raider biển số 73H1-458.80, số khung: RLSDL11ANKV131857, số máy: CGA1531960 thu giữ của Phạm Văn L2 là tài sản do Văn L2 làm chủ sở hữu và sử dụng. Ngày 30/12/2023, bị cáo Phạm Văn L2 sử dụng làm phương tiện phạm tội, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus gắn sim số 0868.811.514 và 01 xe mô tô loại Air Blade biển số 59K1-581.12, số khung: RLHF4602DY251451; số máy: F46E4094797, thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị L. Qua quá trình điều tra, bị cáo xác định vào tháng 5/2023 mua lại xe mô tô biển số 59K1-581.12 của một người đàn ông không rõ nhân thân với giá 18.300.000 đồng. Qua tra cứu thông tin xác định được bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1974, thường trú tại số I đường H, khu phố B, phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh là người đứng tên. Bà M khai nhận đã bán chiếc xe cho

người đàn ông không rõ nhân thân với giá 11.000.000 đồng và không làm thủ tục sang tên xe. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố D tiến hành đăng báo theo quy định nhưng đến nay không có thông tin gì thêm. Ngày 30/12/2023, bị cáo Nguyễn Thị L sử dụng làm phương tiện phạm tội, đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với người đàn ông tên T4 có số zalo Nguyễn Thanh T5 Sky Foget bán ma túy cho Nguyễn Thị L tại khu vực thuộc khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh hiện chưa rõ nhân thân. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, xử lý sau.

Bản Cáo trạng số 149/CT-VKS-DA ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T1 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn L2 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T1, mỗi bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và mỗi bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt buộc mỗi bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 08 năm 03 tháng đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Văn L2 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy số ma túy loại Methamphetamine có khối lượng M1 = 1,5453 gam, M2 = 0,1695 gam là mẫu vật còn lại sau giám định đã được niêm phong; 01 nỏ thủy tinh; 01 chai nhựa và 01 ống hút nhựa;

- Đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 11S gắn sim số 097.716.005 và 01 chiếc mô tô loại Raider biển số 73H1-458.80, số khung: RLSDL11ANKV131857, số máy: CGA1531960 thu giữ của bị cáo Phạm Văn L2;

- Đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus và 01 xe mô tô loại Air Blade biển số 59K1-581.12, số khung: RLHF4602DY251451; số máy: F46E4094797, thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị L;

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy sim số 0972.716.005 và 0868.811.514.

Tại phiên tòa, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng, các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của người tham gia tố tụng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Ngày 30/12/2023, các bị cáo Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thị L thống nhất cùng nhau góp tiền mua ma túy để sử dụng, cung cấp ma túy cho Phạm Văn L2 đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thị L đã đủ yếu tố để cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Hành vi sử dụng căn cước công dân thuê nhà nghỉ của bị cáo Phạm Văn L2 là cung cấp địa điểm để cho Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thị L sử dụng trái phép chất ma túy đã đủ yếu tố để cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thị L còn có hành vi tàng trữ 1,5659gam loại Methamphetamine để sử dụng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Đối với khối lượng ma túy 0,2133gam loại Methamphetamine còn lại trong nỏ khi bị kiểm tra, các bị cáo đều xác định đang tiếp tục sử dụng thì bị bắt, do đó được xác định là vật chứng của tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, bản Cáo trạng số 149/CT-VKS-DA ngày 19 tháng 8 năm 2024 và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị L và Phạm Văn L2 thực hiện là rất nghiêm trọng đã xâm phạm đến công tác quản lý độc quyền của Nhà nước về kiểm soát, quản lý, sử dụng các chất ma túy. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò của các bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên không coi là tội phạm có tổ chức. Bị cáo Nguyễn Thị L là người đề xuất, rủ bị cáo Nguyễn Thị T1 cùng nhau góp tiền mua ma túy, bị cáo cũng là người bỏ tiền ra trước, trực tiếp liên hệ với T5 để mua ma túy, trả tiền phòng nhà nghỉ, tại nhà nghỉ bị cáo là người trực tiếp nấu ma túy để cho các bị cáo cùng sử dụng; bị cáo Nguyễn Thị T1 là người cùng góp tiền; bị cáo Phạm Văn L2 là người đề xuất, rủ bị cáo Thị L đến nhà nghỉ T6 thuê phòng để sử dụng ma túy.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự nhưng là người sử dụng ma túy nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[8] Về hình phạt:

+ Hình phạt chính: Xét các bị cáo là người sử dụng trái phép chất ma túy, phạm tội rất nghiêm trọng, xâm phạm vào sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, đồng thời hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

+ Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Xử lý vật chứng:

- Xét ma túy loại Methamphetamine có khối lượng M1 = 1,5453 gam, M2 = 0,1695 gam mẫu vật còn lại sau giám định, là vật cấm lưu thông cần tịch thu tiêu hủy;

- Xét 01 nỏ thủy tinh; 01 chai nhựa và 01 ống hút nhựa các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy;

- Xét sim số 0972.716.005 và 0868.811.514 không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy;

- Xét 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 11S và 01 xe mô tô loại Raider biển số 73H1-458.80, số khung: RLSDL11ANKV131857, số máy: CGA1531960 là tài sản của bị cáo Phạm Văn L2, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Xét 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus là tài sản của bị cáo Nguyễn Thị L, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước;

- Xét xe mô tô hiệu Air Blade biển số 59K1-581.12, số khung: RLHF4602DY251451; số máy: F46E4094797, thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị L. Quá trình điều tra, bị cáo xác định vào tháng 5/2023 mua lại của một người đàn ông không rõ nhân thân với giá 18.300.000 đồng. Qua tra cứu thông tin xác định được bà Nguyễn Thị Ngọc M là người đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy. Bà M xác định đã bán xe cho người đàn ông không rõ nhân thân với giá 11.000.000 đồng và không làm thủ tục sang tên. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố D đã đăng báo theo quy định nhưng không có thông tin gì thêm. Bị cáo Nguyễn Thị L sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với người đàn ông tên T5 có số zalo Nguyễn Thanh T5 Sky Foget bán ma túy cho Nguyễn Thị L tại khu vực thuộc khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã xác minh tại Công ty V nhưng không xác định được thông tin về tài khoản trên, nên cần tiếp tục điều tra làm rõ sau.

[11] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh Bình Dương về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo cũng như xử lý vật chứng là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thị L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L2 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1.1 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chấp hành chung cho cả hai tội là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2023.

1.2 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị T1 phải chấp hành chung cho cả hai tội là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2023.

1.3 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L2 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 89; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 bì thư đã niêm phong ghi số 264/PC09M1 bên trong chứa ma túy còn lại sau giám định loại Methamphetamine, có khối lượng M1 = 1,5453gam, M2 = 0,1695gam và 01 nỏ thủy tinh; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa và 01 ống hút nhựa; sim số 0972.716.005 và 0868.811.514;

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 11S; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Raider biển số 73H1-458.80, số khung: RLSDL11ANKV131857, số máy: CGA1531960, dung tích 147cm³ kèm theo giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy tên Phạm Văn L2 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda số loại Air Blade biển số 59K1-581.12, số khung: RLHF4602DY251451; số máy: F46E4094797, dung tích 125cm³ kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy tên Nguyễn Thị Ngọc M.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị L và Phạm Văn L2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (03);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Công an thành phố Dĩ An (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi cư trú của bị cáo (03);
- Lưu: VT, HSVA.

Đỗ Thị Liễu

